

KIẾN NGHỊ VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG

Người trình bày
Nhóm Công tác Giáo dục & Đào tạo

Nhân sự, giáo dục và đào tạo là một trong những lĩnh vực có tầm quan trọng ngày càng tăng đối với việc duy trì mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam lần thứ 20 ngày 30/5/2007 tại Hà Nội, đại diện cộng đồng doanh nghiệp cả trong lẫn ngoài nước đều bày tỏ mối quan ngại sâu sắc về thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao dẫn đến kìm hãm khả năng phát triển và cạnh tranh của doanh nghiệp. Các công ty đã và đang gặp phải những khó khăn trong việc tuyển dụng và giữ chân nhân viên Việt Nam có chuyên môn cao. Vấn đề này cần phải được giải quyết nhanh chóng nếu Việt Nam muốn duy trì tính cạnh tranh của mình, đặc biệt trong giai đoạn hậu WTO, khi đầu tư nước ngoài tăng lên nhanh chóng và nhu cầu về nhân lực theo đó cũng tăng cao. Trong bối cảnh nguồn lực của nhà nước cho phát triển giáo dục còn hạn hẹp, việc hỗ trợ và khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo sẽ là một trong những giải pháp hữu hiệu cho vấn đề này.

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khu vực tư nhân tham gia phát triển giáo dục, một Nhóm Công tác về Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Nhóm Giáo dục) gồm một số các tổ chức giáo dục lớn, có uy tín trên thị trường đã được thành lập trong khuôn khổ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam để đối thoại với chính phủ nhằm tháo gỡ những khó khăn mà các cơ sở giáo dục tư nhân đang gặp phải và phối hợp tìm ra các biện pháp phát triển giáo dục Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của khối doanh nghiệp. Trước mắt nhóm sẽ tập trung vào lĩnh vực đào tạo đại học và đào tạo kỹ năng, là những lĩnh vực có vai trò quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế và thực hiện mục tiêu trở thành một nước công nghiệp trước năm 2020 của Việt Nam.

Dưới đây là một số vấn đề cụ thể cần ưu tiên xử lý và giải quyết trong giai đoạn trước mắt nhóm Giáo dục muốn đưa ra để thảo luận với các cơ quan hữu quan.

1. Hệ thống Đảm bảo Chất lượng và Thông tin Giáo dục

Thách thức chính của hệ thống giáo dục đại học và đào tạo kỹ năng ở Việt Nam hiện nay là cân bằng giữa một bên là đáp ứng nhu cầu tuyển sinh ngày một tăng cao với một bên là đảm bảo chất lượng đào tạo và nội dung phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế. Nếu mở rộng hệ thống ồ ạt, thiếu sự kiểm soát chất lượng phù hợp sẽ đe dọa đến sự ổn định lâu dài của toàn bộ nền giáo dục. Hơn nữa, khi các trường đại học ở Việt Nam được tự chủ hơn, cần chú trọng đến việc đặt ra một khuôn khổ đảm bảo chất lượng cho phép kiểm định và xếp hạng các tổ chức GDĐT. Ở cấp đại học, việc kiểm định cũng giúp cho việc hợp tác liên thông với các trường đại học nước ngoài được dễ dàng hơn.

Vì thế, Bộ Giáo dục Đào tạo (GDĐT) cần chú trọng vào việc phát triển các biện pháp kiểm định chất lượng trong nội bộ trường học lẫn kiểm định độc lập từ bên ngoài nhằm đảm bảo chất lượng của hệ thống GDĐT. Những biện pháp này bao gồm xây dựng hệ thống kiểm định nhằm giám sát các vấn đề về chất lượng giáo dục, tổ chức kiểm định độc lập thường xuyên các trường đại học, xây dựng cơ chế kiểm định nội bộ v.v. Bước đầu, cần thành lập một **cơ quan kiểm định độc lập** áp dụng các thông lệ quốc tế trong kiểm định giáo dục với những tiêu chí kiểm định rõ ràng, minh bạch. Cơ quan này nên có đại diện của Bộ GDĐT, các trường đại học, các chuyên gia trong nước và quốc tế. Để đảm bảo hiệu quả, cơ quan này cần độc lập với Bộ GDĐT và có đủ thẩm quyền và trách nhiệm kiểm định kể cả kiểm định các khóa học mới và các chương trình hợp tác

quốc tế. Cũng cần xây dựng một hệ thống đánh giá chất lượng lẫn nhau giữa các trường vì đây là một yếu tố quan trọng để đảm bảo hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng. Nhóm Công tác Giáo dục rất sẵn sàng hợp tác chặt chẽ với Bộ GDĐT trong các vấn đề quan trọng này.

Việc phát triển một hệ thống đảm bảo và kiểm định chất lượng như trên cũng sẽ giúp tạo điều kiện cho việc liên thông dễ dàng giữa các văn bằng trong nước và quốc tế. Hiện tại, các văn bằng như Diploma, Associate Diploma của nước ngoài hay liên kết với quốc tế để đào tạo tại Việt Nam thực tế đã hoàn toàn liên thông được với giáo dục đại học quốc tế thì lại chưa liên thông được trong hệ thống giáo dục Việt Nam. Một hệ thống kiểm định đáng tin cậy cũng như chính sách minh bạch và phù hợp hơn về liên thông văn bằng quốc tế và trong nước là rất cần thiết vì sẽ góp phần xây dựng cơ sở cho việc tiếp nhận sinh viên nước ngoài đến học tại Việt Nam cũng như trao đổi SV giữa các đại học Việt Nam và quốc tế.

Một vấn đề thiết yếu nữa là cần xây dựng một hệ thống thông tin công bố rộng rãi các kết quả kiểm định về hoạt động và chất lượng của tổ chức GDĐT. Do hệ thống giáo dục đại học/ đào tạo kỹ năng ngày càng mở rộng, việc cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động và chất lượng của các trường cho thí sinh và gia đình họ là hết sức quan trọng. Hơn nữa khi học phí tăng, sinh viên và gia đình họ phải gánh thêm chi phí, do vậy họ cần được thông tin đầy đủ về chất lượng giáo dục mà họ phải chi trả. Ngoài ra phản hồi về vị trí công tác mà sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là đảm bảo cương vị công việc tương đương với bằng cấp học tập cũng rất cần thiết. Chi tiết xin xem thêm ở mục 3 dưới đây.

2. Khung pháp lý & Chính sách

Chương trình Cải cách Giáo dục Đại học Việt Nam (HERA) giai đoạn 2006-2020 dự kiến lượng sinh viên đầu vào tăng gấp 3 đến 4 lần mức độ hiện tại vào năm 2020. Nếu thực sự đạt được tỷ lệ tăng trưởng này, khu vực tư nhân sẽ phải đóng một vai trò lớn hơn trong hệ thống giáo dục đại học vì trong tương lai chính phủ sẽ phải dựa vào khu vực này để thu hút lượng sinh viên tăng lên.

Tuy nhiên, chính sách của chính phủ về các tổ chức giáo dục ngoài công lập vẫn chưa rõ ràng và chưa thể bắt kịp đà tăng trưởng nhanh chóng của khu vực này. Do sự phát triển nhanh chóng của khu vực tư nhân trong lĩnh vực giáo dục và sự xuất hiện của nhiều mô hình giáo dục mới bao gồm cả các tổ chức giáo dục phi lợi nhuận, khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của khu vực này cần được xây dựng rõ ràng tạo điều kiện cho khu vực tư đóng góp nhiều hơn trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt trong những lĩnh vực dưới đây:

2.1 Nói lỏng hạn chế trong việc thành lập các tổ chức giáo dục bao gồm cả tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và khuyến khích các tổ chức giáo dục có uy tín hoạt động tại Việt Nam

Quy định về cấp phép thành lập các tổ chức giáo dục đào tạo (GDĐT) ngoài công lập đã có nhưng vẫn còn rườm rà, hạn chế và gây hiểu nhầm. Ngoài ra, quy trình nộp hồ sơ cấp phép thành lập tổ chức giáo dục đào tạo đại học còn rất chậm và mất nhiều thời gian. Vì thế, cần xây dựng quy trình cấp phép rõ ràng và đơn giản hơn mà vẫn bao gồm những tiêu chuẩn giáo dục tối thiểu và các thủ tục này cần được bổ sung bởi cơ chế kiểm định chất lượng giám sát đầu ra và kết quả giáo dục. Các tiêu chí thành lập trường phải sát thực và khả thi. Nói chung, Bộ GDĐT cần củng cố vai trò của mình trong việc “hậu kiểm” hơn là hạn chế việc gia nhập thị trường.

Nhóm Giáo dục mong muốn sớm có cơ hội đối thoại với Bộ GDĐT để cùng rà soát lại các tiêu chí cho thích hợp hơn và cải tiến quy trình cho phù hợp theo hướng tinh giản, rõ ràng và nhất quán vừa đảm bảo ngăn chặn được các tổ chức cơ hội trong giáo dục, vừa khuyến khích được các tổ chức có tiềm năng tham gia thị trường giáo dục và đảm bảo lợi ích chung của cộng đồng.

2.2. Định nghĩa các sản phẩm và tổ chức giáo dục rõ ràng hơn

Hiện nay vẫn còn thiếu hành lang pháp lý cho việc thành lập các tổ chức GDĐT với mô hình giáo dục mới. Chẳng hạn một cơ sở đào tạo muốn thành lập một Học viện Giám đốc để đào tạo ra một thể hệ lãnh đạo doanh nghiệp mới cho đất nước, hay một nhà đầu tư nước ngoài muốn thành lập một Học viện Điện ảnh để cung cấp đội ngũ làm phim có trình độ quốc tế cho Việt nam nhưng quá trình tìm hiểu để xin thành lập các Học viện này rất khó khăn vì doanh nghiệp không biết phải bắt đầu từ đâu, xin cấp phép ở đâu, hoạt động theo luật nào, luật giáo dục hay luật dạy nghề v..v. Để khuyến khích sự phát triển đa dạng của hệ thống giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, một hành lang pháp lý tạo điều kiện cho nỗ lực thành lập các mô hình giáo dục mới cần được phát triển để bắt kịp nhu cầu đó.

2.3. Giao nhiều quyền tự chủ hơn cho các tổ chức giáo dục đại học nhằm tăng tính linh hoạt và khả năng đáp ứng nhu cầu của hệ thống giáo dục

Hiện tại, Bộ GDĐT quản lý kế hoạch và định hướng của toàn bộ hệ thống giáo dục đào tạo, chính sách và số lượng tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo và giáo trình, phân loại sinh viên v..v tại mọi tổ chức giáo dục đại học. Sự quản lý tập trung này đã bó hẹp công tác cải cách tổ chức và quản trị của trường đại học trong phạm vi năng lực của chính phủ trong việc xác định và thực hiện các cải cách này.

Để nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các trường đại học, Bộ Giáo dục Đào tạo nên giao nhiều quyền tự chủ hơn cho các trường, đặc biệt trong các lĩnh vực như chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo và hợp tác quốc tế. Quá trình phê duyệt chương trình đào tạo, chương trình hợp tác quốc tế cần được rút ngắn bằng cách xây dựng các thủ tục minh bạch và nhất quán. Các tiêu chí rõ ràng để thiết lập dự án đào tạo hợp tác quốc tế cũng cần được thiết lập. Nếu Bộ GDĐT đồng ý, nhóm Giáo dục sẽ chuẩn bị một bản đề xuất trong lĩnh vực này để hai bên cùng thảo luận và xem xét.

2.4. Có chính sách hỗ trợ để việc tiếp cận đất đai xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường được dễ dàng hơn

Khác với khối trường công lập, khối trường dân lập không nhận được bất kỳ hỗ trợ nào về trường sở, trang thiết bị, và tài chính. Bên cạnh đó khối trường này phải giải quyết rất nhiều khó khăn trong việc xin đất xây cơ sở giảng dạy. Có trường mất đến hơn 10 năm mới xin được đất. Vì vậy, đề nghị trong lĩnh vực giao đất Chính phủ nên có những chính sách hỗ trợ rõ ràng và **cụ thể**. Đặc biệt là tạo điều kiện trong việc đền bù giải tỏa, tiếp cận đất đai dễ dàng hơn cho các trường đại học ngoài công lập để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy. Cơ chế giao đất cần phải minh bạch hơn, phân cấp rõ ràng hơn.

2.5. Tạo điều kiện cho quá trình xin giấy phép lao động của tổ chức giáo dục đào tạo nước ngoài được dễ dàng hơn

Nhóm Giáo dục sẽ rất biết ơn nếu Bộ GDĐT có thể làm việc với Bộ LĐTBXH về vấn đề giấy phép lao động để thúc đẩy quá trình phê duyệt và cấp phép lao động cho các tổ chức GDĐT được nhanh chóng hơn.

Miễn “giấy phép lao động” cho vị trí (tổng) giám đốc, phó (tổng) giám đốc của các tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục: Theo Nghị định 93/2005/ND-CP và Thông tư 24/2005/TT-BLĐTBXH trong khi các vị trí trường đại diện và giám đốc chi nhánh của DN nước ngoài được miễn giấy phép lao động thì các vị trí Tổng GD, GD, phó tổng GD, phó GD không được miễn. Trên thực tế, đây cũng là những vị trí quản lý tương tự, và do vậy cũng nên được đối xử tương tự tức là miễn “giấy phép lao động”.

Tiếp tục đơn giản hóa quy định thủ tục khác liên quan đến cấp “giấy phép lao động”: Các thủ tục cấp giấy phép lao động cần được xem xét lại và tinh giản, đặc biệt là việc thừa nhận các chứng chỉ, bằng cấp nước ngoài.

Việc hình thành tổ chức kiểm định như đề xuất ở trên có thể hỗ trợ được cho việc công nhận chứng chỉ, bằng cấp này.

2.6. Vai trò của Bộ GDĐT

Chúng tôi cho rằng Bộ GDĐT cần cung cấp hành lang pháp lý cũng như các hướng dẫn, tiêu chuẩn rõ ràng để tạo điều kiện cho các tổ chức GDĐT hoạt động. Bộ nên đóng vai trò là cơ quan giám sát hơn là quản lý. Hơn nữa, Bộ không nên quá tập trung vào lập kế hoạch cho các hoạt động do thị trường lao động chi phối. Thay vào đó Bộ nên xây dựng chiến lược phát triển giáo dục cũng như cung cấp những thống kê và dự báo cần thiết để định hướng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

3. Khả năng phù hợp và thích ứng với Nhu cầu Thị trường Lao động

Sự liên kết yếu kém giữa cơ sở GDĐT với doanh nghiệp và sự thiếu thông tin về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, về thị trường lao động và các kỹ năng cần thiết là một trong những yếu tố làm nền GDĐT ở Việt Nam kém thích ứng với nhu cầu của nền kinh tế.

Để cải tiến GDĐT phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động tại Việt Nam, cần áp dụng một số biện pháp như:

- Củng cố liên kết giữa cơ sở GDĐT với doanh nghiệp và tạo hành lang pháp lý mở rộng đối thoại giữa cơ sở GDĐT với các tổ chức kinh tế liên quan (ví dụ như thông qua đại diện doanh nghiệp hay đại diện ngành trong cơ quan quản trị cơ sở GDĐT, trong ủy ban phê duyệt chương trình đào tạo, trong các tổ chuyên gia đánh giá nghiên cứu, trong các hội đồng bảo vệ luận văn v.v)
- Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp nhận sinh viên thực tập và tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội thu thập kinh nghiệm làm việc.
- Đảm bảo cung cấp đủ, thường xuyên thông tin về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, về thị trường lao động và các kỹ năng đào tạo. Việc này đòi hỏi một chiến lược toàn diện với sự tham gia của nhiều tổ chức khác nhau (Bộ GDĐT, các cơ sở GDĐT, Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Tổng cục Thống kê v.v). Thông tin phản hồi một cách có hệ thống từ các sinh viên đã tốt nghiệp về sự phù hợp của công việc với các khóa học và chương trình đào tạo cần được thu thập để các cơ sở GDĐT có thể thay đổi chương trình giảng dạy cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Điều tra về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cần được thực hiện và sử dụng một cách hữu hiệu. Công tác điều tra về lực lượng lao động của Bộ Lao động cần được cải tiến và thực hiện thường xuyên. Việc điều tra doanh nghiệp hay điều tra dân số cần thu thập một cách có hệ thống các thông tin về kỹ năng mà chủ sử dụng lao động cần từ người lao động.